

**DANH SÁCH SINH VIÊN NGÀNH ĐIỀU DƯỠNG
HỆ CẤP NĂM HỌC 2023-2024**

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm TB lớp 10	Điểm TB lớp 11	Điểm TB lớp 12	Tổng điểm
1	Nguyễn Thị Hoàng Anh	07/06/2005	Nữ	Kinh	7.2	7.6	7.9	22.7
2	Nguyễn Thị Hồng Đăng	11/02/2005	Nữ	Kinh	6.1	7.1	7.3	20.5
3	Lê Thị Anh Đào	30/06/2005	Nữ	Kinh	6.4	7	8	21.4
4	Đặng Thị Ngọc Diễm	18/11/2003	Nữ	Kinh	6.8	7.3	7.4	21.5
5	Rơ Mãnh H' Liên	14/09/2005	Nữ	Jrai	5.8	5.6	6.4	17.8
6	Đinh Thị Hiách	21/01/2005	Nữ	Ba-na	5.8	5.1	6.2	17.1
7	Nguyễn Thị Thu Hiền	27/07/2023	Nữ	Kinh	5.8	6.6	7.3	19.7
8	Phạm Thị Ngọc Hiền	06/02/2005	Nữ	Kinh	5.7	6.4	6.4	18.5
9	Huỳnh Thị Kim Hoa	20/07/2005	Nữ	Kinh	7.1	7.2	7.6	21.9
10	Lê Thị Ngọc Huệ	05/11/2003	Nữ	Kinh	6.6	6.5	7	20.1
11	Trần Thị Thanh Hương	02/12/2002	Nữ	Kinh	7.3	6.9	7.5	21.7
12	Huỳnh Khánh	17/08/2004	Nam	Kinh	6.1	6.9	6.4	19.4
13	Nguyễn Đức Khuyến	26/08/2004	Nam	Kinh	7.2	7.1	7	21.3
14	Thân Thị Cẩm Ly	05/05/2005	Nữ	Kinh	6	6.5	7.1	19.6
15	Ngô Thị Trà My	27/11/2005	Nữ	Kinh	6.7	7	6.8	20.5
16	Ngô Đăng Thùy Ngân	30/07/2005	Nữ	Kinh	7.2	7.5	7.6	22.3
17	Phạm Hồ Thu Ngân	06/05/2005	Nữ	Kinh	7	6.3	7.4	20.7
18	Bùi Phương Nguyên	01/10/2005	Nữ	Kinh	7.6	7.7	7.4	22.7
19	Đặng Trần Thảo Nguyên	17/06/2005	Nữ	Kinh	6.5	6.9	7.8	21.2
20	Nguyễn Thị Minh Nguyên	27/05/2004	Nữ	Kinh	6.5	7	7.2	20.7
21	Nguyễn Bảo Nhi	04/08/2005	Nữ	Kinh	6.9	7.3	8.3	22.5
22	Chu Thị Quỳnh Như	05/05/2005	Nữ	Kinh	7	7.4	7.7	22.1
23	Lê Thị Tuyết Nhung	13/06/2005	Nữ	Kinh	6.8	6.5	7.4	20.7
24	Nguyễn Thị Hồng Nhung	20/10/2005	Nữ	Kinh	6.3	6.7	7.7	20.7
25	Nguyễn Bích Quyên	30/03/2005	Nữ	Kinh	6.7	6.7	7.3	20.7
26	Đoàn Thị Diễm Quỳnh	17/03/2005	Nữ	Kinh	6.7	7	7.3	21
27	Đinh Thị Thanh Tâm	04/09/2005	Nữ	Kinh	6.5	7.4	7.2	21.1
28	Lương Thị Chiến Thắng	28/10/2004	Nam	Kinh	6	4.8	6.5	17.3
29	Nguyễn Thị Thanh Thảo	27/06/2004	Nữ	Kinh	6.5	7.1	7.6	21.2
30	Trương Quốc Thịnh	17/11/2004	Nam	Kinh	5.6	6.5	6.6	18.7
31	Lê Tuấn Thịnh	12/09/2003	Nam	Kinh	6.1	6.7	7	19.8
32	Trần Thị Minh Thư	24/04/2004	Nữ	Kinh	6.8	7	7.3	21.1
33	Nguyễn Minh Thư	04/12/2005	Nữ	Kinh	6.8	7.2	7.9	21.9
34	Dương Lê Phương Thư	20/07/2005	Nữ	Kinh	6.4	6.9	7.8	21.1
35	Nguyễn Lê Anh Thư	25/02/2005	Nữ	Kinh	6.6	6.7	7.2	20.5
36	Tôn Thị Anh Thư	05/11/2005	Nữ	Kinh	6.9	6.8	7.3	21
37	Phạm Thị Hạ My	01/01/2005	Nữ	Kinh	6.6	7.6	7.7	21.9
38	Cao Huyền Trang	10/04/2005	Nữ	Kinh	8.2	8.3	8.1	24.6
39	Mai Đức Trung	23/03/2005	Nam	Kinh	6.5	6.6	6.8	19.9
40	Trương Thị Hạ Vi	24/06/2005	Nữ	Kinh	6.4	6.7	7.7	20.8
41	Ngô Thúy Vy	11/12/2005	Nữ	Kinh	5.8	7	7.1	19.9
42	Hoàng Thị Thu Liên	08/03/1997	Nữ	Kinh	5.7	5.7	6	17.4
43	Huỳnh Bùi Nhật Trí	18/07/2004	Nam	Kinh	5.8	5.4	6.3	17.5
44	Tạ Thị Lan Anh	22/05/2004	Nữ	Kinh	5.7	6.2	6.7	18.6
45	Nguyễn Thị Mỹ Anh	29/03/2005	Nữ	Kinh	6.3	6.4	7	19.7
46	Phạm Thị Hoàng Ánh	26/04/2002	Nữ	Kinh	6.8	7.2	7.6	21.6
47	Rơ Lan Byin	25/12/2005	Nam	Jrai	7.6	7.5	8.3	23.4
48	Phan Khăm Chăn	25/04/2005	Nữ	Kinh	6.7	6.8	7.4	20.9
49	Nguyễn Văn Châu	26/09/2005	Nữ	Kinh	6.4	6.7	6.8	19.9
50	Nguyễn Hoàng Châu	01/06/2005	Nữ	Kinh	6	6.5	7.3	19.8
51	Nguyễn Thị Điệp	01/03/2005	Nữ	Kinh	7.4	7.4	7.8	22.6
52	Huỳnh Thị Thùy Dương	20/10/2005	Nữ	Kinh	6.7	7.4	7.7	21.8
53	Nguyễn Trường Giang	12/07/2005	Nam	Kinh	6.2	6.5	6.9	19.6
54	Nguyễn Đoàn Thu Hà	28/05/2005	Nữ	Kinh	8	8	7.8	23.8
55	Nguyễn Thị Diễm Hằng	28/11/2005	Nữ	Kinh	6.5	6.5	7	20

56	Lê Thị Minh	Hiền	07/08/2004	Nữ	Kinh	5.8	5.7	5.8	17.3
57	Võ Trần Diệu	Hiền	30/01/2005	Nữ	Kinh	5.8	6.5	7.7	135309
58	Y	Hoài	16/08/2005	Nữ	Jrai	5.3	6.2	7	18.5
59	Phan Tuấn	Hưng	17/03/2005	Nam	Kinh	6.9	7.2	7.4	21.5
60	Rơ Châm	H' Ninh	10/26/2005	Nữ	Jrai	5.8	5.7	6.4	17.9
61	Lương Thị Diệu	Linh	06/04/2005	Nữ	Kinh	7.4	7.2	7.4	22
62	Mai Trúc	Ly	09/06/2005	Nữ	Kinh	7.3	7.4	7.9	22.6
63	Nguyễn Thị	Mai	03/09/2004	Nữ	Kinh	6.8	6.9	7	20.7
64	Nguyễn Thị	Mỹ	10/09/2005	Nữ	Kinh	6.7	7	7	20.7
65	Đinh Thị Bảo	Ngân	01/05/2005	Nữ	Kinh	7.8	8	8	23.8
66	Lê Văn Cao	Nguyên	23/08/2005	Nam	Kinh	5.5	6.4	6.2	18.1
67	Nguyễn Lý Thanh	Nhàn	04/05/2005	Nữ	Kinh	6.5	7.2	7.2	20.9
68	Lê Nguyễn Thị Mỹ	Nhật	21/06/2005	Nữ	Kinh	6	6.4	7.1	19.5
69	Phan Thị Yên	Nhi	30/05/2005	Nữ	Kinh	7.2	6.9	6.8	20.9
70	Hoàng Thúy	Nhị	22/12/2004	Nữ	Kinh	7.9	8.3	8.6	24.8
71	Trần Lê Uyên	Phương	14/04/2005	Nữ	Kinh	7.1	7.1	7	21.2
72	Nguyễn Minh	Quân	04/10/2005	Nam	Kinh	5.9	5.9	6.4	18.2
73	Đặng Nguyễn Phú	Quý	07/10/2005	Nam	Kinh	7.6	6.9	7.5	22
74	Lê Nguyễn Thu	Sương	23/08/2005	Nữ	Kinh	7.6	7.1	7.5	22.2
75	Dương Thị Thu	Thảo	02/09/2004	Nữ	Kinh	6	6.9	7.6	20.5
76	Nguyễn Thị Minh	Thư	21/07/2005	Nữ	Kinh	6.4	7	7.1	20.5
77	Nguyễn Huỳnh	Trân	18/05/2005	Nữ	Kinh	7.4	7.7	7.3	22.4
78	Nguyễn Thị Hoài	Trang	11/06/2005	Nữ	Kinh	5.8	6.1	6.4	18.3
79	Nguyễn Thị Thùy	Trang	10/09/2002	Nữ	Kinh	5.6	5.8	6.8	18.2
80	Nguyễn Thị	Trinh	28/10/2005	Nữ	Kinh	6.2	7.1	7.6	20.9
81	Nguyễn Bảo Gia	Trúc	05/05/2005	Nữ	Kinh	7	7.3	7.3	21.6
82	Y Li	Va	05/10/2003	Nữ	Ca-dong	6.6	6.8	7.2	20.6
83	Đinh Thị Ni	Va	09/09/2005	Nữ	Hrê	6.3	7.4	7.7	21.4
84	Rơ Lan	Zaly	07/08/2003	Nữ	Jrai	4.5	5.6	5.8	15.9
85	Phạm Thị Thu	Thúy	09/05/2005	Nữ	Kinh	6.3	6	6.9	19.2
86	Phạm Ngọc Thùy	Giang	28/10/2005	Nữ	Kinh	6.2	6.5	6.9	19.6
87	Y	Phương	25/06/2005	Nữ	Kinh	6.4	6.7	7.2	20.3
88	Nguyễn Thị	Hằng	08/10/1997	Nữ	Kinh	7.5	7.5	7.7	22.7

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐĂNG KÝ
NGÀNH CHĂM SÓC SẮC ĐẸP HỆ CQ NĂM HỌC 2023-2024

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm TB lớp	Điểm TB lớp 11	Điểm TB lớp 12	Tổng điểm
1	Nguyễn Thị Thanh	Bình	23/09/2004	Nữ	Kinh	6.8	6.6	6.8	20.2
2	Lê Thị Kim	Chi	12/08/2005	Nữ	Kinh	5.2	5.2	6.8	17.2
3	Đàm Thị	Hương	04/11/2005	Nữ	Kinh	6.1	5.6	6.5	18.2
4	Hoàng Thị Ánh	Huyền	03/01/2005	Nữ	Kinh	6.8	7.2	8	22
5	Phạm Thị Tuyết	Mai	25/05/2005	Nữ	Kinh	6.6	6.8	7.1	20.5
6	Dương Thị Thu	Ngân	09/05/2003	Nữ	Kinh	7.4	7.6	8.3	23.3
7	Nguyễn Thúy	Ngân	08/08/2005	Nữ	Kinh	7.2	6.8	7.5	21.5
8	Phạm Lâm Quỳnh	Nhi	06/06/2005	Nữ	Kinh	7.2	7.4	8.6	23.2
9	Dương Thị Ánh	Nhi	19/04/2005	Nữ	Kinh	5.9	5.9	6.5	18.3
10	Nguyễn Thị Lê	Nhi	01/01/2000	Nữ	Kinh	5.7	6.7	6.8	19.2
11	Nguyễn Thị	Ny	02/03/2005	Nữ	Kinh	7.1	7.2	7.2	21.5
12	Lê Kiều	Oanh	18/07/2005	Nữ	Kinh	5.5	5.8	5.6	16.9
13	Từ Thị Ngọc	Phương	21/09/2005	Nữ	Kinh	6.7	7.7	9	23.4
14	Nguyễn Quốc Bội	Phương	20/04/2005	Nữ	Kinh	5.7	5.3	6.2	17.2
15	Lê Bích	Quyên	23/07/2005	Nữ	Kinh	6.2	6.9	7.6	20.7
16	Dương Thị Diễm	Quỳnh	02/01/2005	Nữ	Kinh	7.3	7	7.1	21.4
17	Nguyễn Thị	Thương	12/02/2005	Nữ	Kinh	6.8	7.5	7.3	21.6
18	Nguyễn Thị Xuân	Thùy	29/09/2005	Nữ	Kinh	7.3	7.4	7.7	22.4
19	Trần Thị Thu	Trang	15/02/2005	Nữ	Kinh	7.4	6.9	7.4	21.7
20	Nguyễn Đoàn Thu	Trang	04/05/2003	Nữ	Kinh	7.9	7.8	8.8	24.5
21	Đỗ Thị Xuân	Vy	03/01/2005	Nữ	Kinh	8.2	8.6	8.2	25
22	Nguyễn Đình	Danh	02/09/2005	Nam	Kinh	6.1	6.2	6.9	19.2
23	Nguyễn Công	Thế	08/01/2005	Nam	Kinh	6.4	6.6	7.7	20.7
24	Võ Minh	Lộc	30/12/2023	Nam	Kinh	6.2	6.6	7.5	20.3